

Số: 4669/QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn áp dụng VietGAP đối với nuôi thương phẩm
cá Tra (*Pangasianodon hypophthalmus*)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn áp dụng VietGAP đối với nuôi thương phẩm cá Tra (*Pangasianodon hypophthalmus*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1617/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn áp dụng VietGAP đối với nuôi thương phẩm cá tra (*P. hypophthalmus*), tôm sú (*P.monodon*) và tôm chân trắng (*P.vannamei*).

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- UBND tỉnh/thành phố trực thuộc TW;
- Website Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN & PTNT;
- Lưu: VT, TCTS.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Vũ Văn Tám

**HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG VietGAP ĐỐI VỚI NUÔI THƯƠNG PHẨM
CÁ TRA (*Pangasianodon hypophthalmus*)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4669 /QĐ-BNN-TCTS ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**Phần thứ nhất
HƯỚNG DẪN CHUNG**

Văn bản này được ban hành nhằm cụ thể hoá và hướng dẫn thực hiện các yêu cầu cần tuân thủ của Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt tại Việt Nam (VietGAP) ban hành tại Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, áp dụng đối với nuôi thương phẩm cá Tra.

Tổ chức, cá nhân đăng ký áp dụng VietGAP trước khi thực hiện theo hướng dẫn này cần phải đọc kỹ từng nội dung kiểm soát và thực hiện đúng các yêu cầu cần tuân thủ đã quy định trong Quy phạm VietGAP.

**Phần thứ hai
HƯỚNG DẪN CHI TIẾT**

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
1	Yêu cầu chung		
1.1	Yêu cầu pháp lý		
1.1.1	Địa điểm	Nơi nuôi phải nằm trong vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản của địa phương.	Cơ sở nuôi phải có giấy chứng nhận mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra của cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh.
		Nơi nuôi phải được xây dựng ở những nơi ít bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm hoặc nguồn ô nhiễm được kiểm soát.	Nơi nuôi phải nằm tách biệt với nhà máy, bệnh viện, các cơ sở sản xuất hóa chất. Nếu nơi nuôi nằm gần những nơi có nguồn gây ô nhiễm nêu trên, cơ sở nuôi phải có biện pháp kiểm soát để đảm bảo nguồn nước đưa vào ao nuôi đạt theo yêu cầu tại Phụ lục 1 Quy chuẩn 02-20:2014/BNNPTNT.

2 samuok

1.2.1	Cơ sở hạ tầng	Hạ tầng của nơi nuôi phải được thiết kế, vận hành, duy trì để phòng ngừa sự lây nhiễm các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm, an toàn bệnh dịch và an toàn lao động.	- Bố trí các đơn vị nuôi và khu vực phụ trợ thuận tiện cho sản xuất và tránh lây lan bệnh dịch. Các công trình phải được thiết kế và xây dựng chắc chắn, tránh bị sạt lở, rò rỉ, ngập lụt. - Cơ sở nuôi phải đảm bảo hạn chế sự lây nhiễm từ người lao động, nước thải sinh hoạt/nhà vệ sinh, dầu máy, khu chứa chất thải và các nguồn lây nhiễm khác đến ao nuôi cá Tra.
		Cơ sở nuôi phải có biển báo ở từng đơn vị nuôi, các công trình phụ trợ phù hợp giữa sơ đồ mặt bằng với thực tế.	- Cần có biển báo ở từng hạng mục như ao nuôi (ký hiệu ao), nhà kho, nhà vệ sinh, nhà bếp... được in rõ ràng và treo/đặt ở nơi dễ nhận biết bằng ngôn ngữ thông dụng. - Có sơ đồ mặt bằng nơi nuôi tương đồng với hiện trạng sản xuất.
1.2.2	Cảnh báo nguy cơ mất an toàn	Cơ sở nuôi phải có biển cảnh báo tại nơi có nguy cơ về mất an toàn lao động, an toàn thực phẩm.	Các biển cảnh báo có kích thước phù hợp tại nơi có thể nhận biết từ vị trí an toàn, ví dụ: Điện cao thế, độ sâu ngập nước, thùng đựng hóa chất, nơi chứa chất thải nguy hại, nước có chứa hóa chất xử lý, khu vực cách ly thủy sản nhiễm bệnh...
1.3	<i>Theo dõi di chuyển thủy sản nuôi trồng và phân biệt sản phẩm áp dụng VietGAP</i>		
1.3.1	Theo dõi di chuyển thủy sản	Cơ sở nuôi phải ghi chép việc di chuyển thủy sản nuôi trồng từ bên ngoài vào, hoặc từ trong ra, hoặc giữa các đơn vị nuôi từ khi thả giống đến thu hoạch và bán sản phẩm.	Đối với việc di chuyển giữa các ao nuôi, cơ sở nuôi phải ghi chép thông tin: ngày, số lượng hoặc khối lượng ước tính thả vào/vớt/loại bỏ/san thưa, ao đi, ao đến. Đối với việc di chuyển từ bên trong ra bên ngoài/từ bên ngoài vào bên trong địa điểm nuôi: cơ sở nuôi phải ghi chép thông tin cụ thể ngày tháng, số lượng, khối lượng đi/đến, điểm đi, điểm đến.

Handwritten signature

1.3.2	Phân biệt sản phẩm áp dụng VietGAP	Cơ sở nuôi phải có hệ thống nhận biết để đảm bảo không nhầm lẫn giữa đối tượng nuôi trồng áp dụng và không áp dụng VietGAP (bao gồm việc xác định vị trí địa lý của nơi nuôi theo hệ thống Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000).	Cơ sở nuôi phải có hệ thống phân biệt tại chỗ để đảm bảo không có sự nhầm lẫn giữa ao nuôi/sản phẩm nuôi theo VietGAP và không theo VietGAP, bao gồm: hồ sơ, trang thiết bị, biển báo, đánh dấu, đánh số từ khi bắt đầu nuôi cho đến khi thu hoạch, bán sản phẩm. Việc xác định tọa độ địa lý như sau: - Đối với ao nuôi áp dụng VietGAP có diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 01 ha thì đo tọa độ tại tâm của ao nuôi; - Đối với ao nuôi/nhiều ao nuôi áp dụng VietGAP có diện tích lớn hơn 01 ha thì xác định vị trí tại các góc của ao/nhóm ao nuôi.
1.4	Yêu cầu về nhân lực	Người quản lý nơi nuôi phải được tập huấn về phân tích mối nguy, biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các mối nguy trong nuôi trồng thủy sản. Người lao động làm việc tại nơi nuôi phải được tập huấn và áp dụng đúng các hướng dẫn thực hành nuôi trồng thủy sản tốt và an toàn lao động.	Trước khi áp dụng VietGAP, người quản lý nơi nuôi được tập huấn về phân tích mối nguy, biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các mối nguy trong nuôi trồng thủy sản bởi giảng viên/chuyên gia/cán bộ quản lý thủy sản địa phương đã được Tổng cục Thủy sản cấp chứng chỉ đào tạo VietGAP (xem trên website http://vietgap.tongcucthuysan.gov.vn/). Chỉ áp dụng cho cơ sở nuôi có từ 02 người trở lên, trong đó có 01 người quản lý. - Người giảng dạy/đào tạo cho người lao động có thể là người quản lý đã được cấp chứng nhận đào tạo hoặc giảng viên/chuyên gia/cán bộ quản lý thủy sản địa phương được cấp chứng chỉ VietGAP của Tổng cục Thủy sản;

			- Cơ sở nuôi phải lưu danh sách tập huấn (có xác nhận của người giảng dạy) hoặc giấy chứng nhận đã đạt kết quả đào tạo có tên người lao động.
1.5	Tài liệu VietGAP	Cơ sở nuôi phải xây dựng, thực hiện, duy trì và cập nhật các hướng dẫn cần thực hành trong quá trình nuôi trồng thủy sản.	Cơ sở nuôi phải xây dựng tài liệu VietGAP phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ sở nuôi, bao gồm: i) Phân tích mối nguy, biện pháp phòng ngừa và kiểm soát mối nguy gây mất an toàn thực phẩm, an toàn bệnh dịch, an toàn môi trường, an toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản; ii) Kế hoạch quản lý sức khỏe thủy sản; iii) Kiểm tra chất lượng nước nuôi; iv) An toàn cho người lao động và vệ sinh; v) Phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải; vi) Thu hoạch và xử lý nơi nuôi sau thu hoạch; vii) Xử lý nước thải, bùn thải sau thu hoạch; viii) Biện pháp ngăn ngừa sự xâm nhập của động vật trong sách đỏ và vật gây hại; ix) Quy định không phân biệt đối xử về giới tính, tôn giáo, dân tộc.
1.6	Hồ sơ VietGAP	Cơ sở nuôi phải lập, duy trì và sẵn có hồ sơ về các hoạt động đã thực hiện trong quá trình thực hành nuôi trồng thủy sản. Hồ sơ liên quan đến sản phẩm thủy sản phải được lưu trữ ít nhất 24 tháng sau thu hoạch.	Có sẵn các hồ sơ sau: 1. Hồ sơ pháp lý; 2. Hồ sơ tập huấn người quản lý và người lao động (bao gồm giấy chứng nhận đã đạt kết quả đào tạo của người quản lý); 3. Hồ sơ về bảo vệ môi trường theo quy định tại mục 4; 4. Hồ sơ sử dụng lao động, an

Đỗ Văn...

		Hồ sơ pháp lý, nhân sự, môi trường phải được lưu trữ cho đến khi có sự thay đổi.	toàn và sức khỏe người lao động, tiền công/tiền lương và các vấn đề cộng đồng theo quy định tại mục 5; 5. Hồ sơ kiểm soát lưu chuyển thủy sản nuôi; 6. Hồ sơ đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định tại mục 2; 7. Hồ sơ quản lý sức khỏe thủy sản theo quy định tại mục 3. 8. Các ghi chép và đơn đặt hàng nhận được và hóa đơn xuất đi (nếu có). Các hồ sơ từ (1) đến (4) phải được lưu trữ cho đến khi có sự thay đổi. Các hồ sơ từ (5) đến (8) phải được lưu trữ ít nhất 24 tháng sau thu hoạch.
--	--	---	--

2. An toàn thực phẩm

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
2.1	Chất lượng nước cấp	Nước sử dụng cho nuôi trồng thủy sản phải phù hợp với từng đối tượng nuôi cụ thể và đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Chất lượng nước cấp vào ao nuôi đạt theo yêu cầu tại Phụ lục 01, QCVN 02-20:2014/BNNPTNT. - Đối với kiểm tra dư lượng hóa chất trong nước (thủy ngân, chì, cadimi, dipterex, trifluralin), cơ sở nuôi dựa trên kết quả quan trắc/phân tích chất lượng nước đã được cơ quan quản lý trung ương, địa phương/trung tâm quan trắc/đơn vị nghiên cứu thủy sản công bố hoặc cơ sở nuôi tự thực hiện để quyết định thời điểm lấy nước vào. - Cần có bản mô tả quy trình cấp/thoát nước để tránh làm ô nhiễm nguồn nước cấp và bản ghi chép kết quả kiểm tra chất lượng nước cấp.

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
2.2	<i>Thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường</i>		
2.2.1	Thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong kho	Cơ sở nuôi trồng phải lập danh mục thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong kho và thực hiện kiểm kê định kỳ hàng tháng.	- Cơ sở nuôi phải lập, cập nhật danh mục thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường có trong kho, bao gồm thông tin sau: Tên sản phẩm, ngày và người nhận, tên nhà sản xuất, khối lượng/số lượng tồn kho, hạn sử dụng. - Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng tháng và ghi nhận bằng biên bản, gồm thông tin sau: tên, số lượng, tình trạng và hạn sử dụng từng loại sản phẩm.
2.2.2	Sử dụng	Cơ sở nuôi chỉ sử dụng thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường được phép lưu hành tại Việt Nam, theo hướng dẫn của cán bộ chuyên môn hoặc nhà sản xuất.	- Chỉ sử dụng thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nằm trong danh mục hoặc công văn/Quyết định cho phép lưu hành tạm thời trong nuôi trồng thủy sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo hướng dẫn của nhà sản xuất. - Không sử dụng thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường hết hạn, không rõ nhãn sản phẩm. - Phải ghi thông tin mỗi lần sử dụng thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường tại mỗi ao nuôi, ít nhất bao gồm: Tên sản phẩm, liều dùng (tổng khối lượng cá ước tính trong ao), mục đích sử dụng, ngày sử dụng, hạn sử dụng, người thực hiện. - Nếu sử dụng hóa chất nằm trong danh mục hạn chế sử dụng, cơ sở nuôi phải tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý thủy sản và ghi rõ thời gian sử dụng, thời điểm được phép thu hoạch.

Handwritten signature

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
		Cơ sở nuôi không sử dụng hóa chất, kháng sinh trong danh mục cấm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.	Tuân thủ theo yêu cầu.
		Trường hợp sử dụng thức ăn tự chế phải ghi chép thành phần và nguồn gốc nguyên liệu làm thức ăn.	Cơ sở nuôi phải ghi thông tin về thành phần chế biến thức ăn, khối lượng từng loại nguyên liệu, nơi mua và ngày mua nguyên liệu.
2.2.3	Bảo quản	Cơ sở nuôi phải bảo quản thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường theo hướng dẫn của nhà sản xuất.	- Thức ăn phải được bảo quản nơi khô ráo, không để ẩm mốc, phải được để cách biệt với dầu máy và các hoá chất độc làm nhiễm bẩn thức ăn. - Thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường phải được bảo quản riêng biệt, theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và có bảng phân công người chịu trách nhiệm bảo quản. - Thuốc, hoá chất đã mở bao gói nhưng dùng chưa hết phải được cột chặt, tránh bị ẩm và giảm chất lượng.
2.2.4	Xử lý sản phẩm quá hạn	Cơ sở nuôi phải loại bỏ, xử lý thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường quá hạn sử dụng, không đảm bảo chất lượng.	- Sản phẩm quá hạn, không đảm bảo chất lượng phải được chứa trong dụng cụ chuyên dùng không bị rò rỉ, phát tán chất thải, mùi ra môi trường bên ngoài và được loại bỏ ngay khi phát hiện có ảnh hưởng đến môi trường. Kháng sinh, hóa chất quá hạn, không đảm bảo chất lượng được coi là chất thải nguy hại và được xử lý theo hướng dẫn tại điều khoản 2.3.1. - Phải lập danh mục thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường quá hạn sử dụng, không đảm bảo chất lượng.

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
			- Không được chôn lấp hóa chất, kháng sinh quá hạn sử dụng và bao bì tiếp xúc trực tiếp với kháng sinh, hóa chất.
2.2.5	Hồ sơ	Cơ sở nuôi phải lập, cập nhật, lưu trữ hồ sơ xuất nhập kho, sử dụng, bảo quản thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường và xử lý sản phẩm.	- Lưu bản sao Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm, hạn chế sử dụng trong nuôi trồng thủy sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Danh mục hoặc giấy phép lưu hành trong đó có tên thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường của nhà sản xuất mà cơ sở mua, sử dụng. - Có danh mục thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nhập kho, trong kho, sử dụng, bảo quản, xử lý/loại bỏ sản phẩm quá hạn, không đảm bảo chất lượng, biên bản kiểm kê định kỳ. - Lưu trữ chứng từ mua thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường. - Có bảng phân công người chịu trách nhiệm bảo quản sản phẩm.
2.3	Vệ sinh		
2.3.1	Thu gom, phân loại, xử lý chất thải	Cơ sở nuôi phải thực hiện thu gom, phân loại, xử lý kịp thời các chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản theo quy định hiện hành.	- Đối với chất thải nguy hại là kháng sinh, hóa chất hết hạn, không đảm bảo chất lượng và bao bì tiếp xúc trực tiếp với kháng sinh, hóa chất, phải thu gom, chứa trong dụng cụ chuyên dùng không bị rò rỉ, phát tán chất thải, mùi ra môi trường bên ngoài và được loại bỏ bằng cách gửi trả nhà cung cấp hoặc ký hợp đồng với đơn vị có giấy phép vận chuyển, xử lý, tiêu hủy. - Đối với chất thải hữu cơ có thể phát sinh mầm bệnh như cá

Handwritten signature

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
			bệnh/chết, thực phẩm thừa..., phải được thu gom, loại bỏ kịp thời để không lây lan mầm bệnh tại nơi nuôi và môi trường bên ngoài. - Đối với chất thải rắn thông thường có thể tái chế (giấy/bao bì, vỏ chai, sắt vụn....), chất thải thông thường không thể tái chế (gỗ, mảnh sành...), phải thu gom và loại bỏ.
		Cơ sở nuôi phải lập, cập nhật và lưu trữ hồ sơ về việc xử lý chất thải nguy hại.	Phải giữ phiếu thu tiền vệ sinh hàng tháng/hàng quý hoặc có phương án thu gom, xử lý thuận tiện và phù hợp với vị trí, điều kiện nơi nuôi. Ghi chép thông tin hoặc giấy tờ chứng minh về việc xử lý chất thải nguy hại như: giấy nhận lại chất thải nguy hại của đại lý hoặc bảng ghi chép bao gồm: ngày xử lý/ đưa đi xử lý/trả lại đại lý, tên và số lượng/khối lượng sản phẩm xử lý/trả lại đại lý, phương án xử lý, người hoặc đơn vị xử lý/nhận.
2.3.2	Vệ sinh nơi nuôi	Cơ sở nuôi phải đảm bảo vệ sinh nơi nuôi và khu vực làm việc, nghỉ ngơi của người lao động nhằm tránh nguy cơ phát sinh và lây nhiễm tác nhân gây mất an toàn thực phẩm.	Phải thiết kế nhà vệ sinh tự hoại, có hệ thống dẫn nước thải sinh hoạt ra khu xử lý chung, tránh làm nhiễm bẩn ao nuôi và hệ thống cấp nước. Phải dọn sạch rác/chất thải quanh ao nuôi và khu vực làm việc, nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động không được xả rác bừa bãi trong khu nuôi và các khu lân cận.
2.3.3	Vệ sinh cá nhân	Người làm việc tại cơ sở nuôi, khách thăm quan phải tuân thủ các yêu cầu	Cơ sở nuôi phải bố trí nhà vệ sinh tự hoại, có vòi nước rửa tay, được cung cấp đủ nước, giấy vệ sinh và

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
		về vệ sinh do cơ sở nuôi quy định nhằm ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phát sinh mầm bệnh trong khu vực nuôi trồng.	xà phòng rửa tay dành cho người lao động. Cơ sở nuôi cần hướng dẫn người lao động, khách thăm quan thực hiện theo yêu cầu về vệ sinh cá nhân do cơ sở nuôi quy định (không hút thuốc, ăn uống tại nơi làm việc, băng kín các vết thương hở trên da, những người có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm không được tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm thủy sản, sử dụng quần áo bảo hộ).
2.4	Thu hoạch và vận chuyển	Cơ sở nuôi phải thu hoạch sản phẩm thủy sản tại thời điểm thích hợp và phương pháp phù hợp để đảm bảo an toàn thực phẩm. Cơ sở nuôi phải áp dụng các điều kiện vận chuyển để đảm bảo an toàn thực phẩm trong trường hợp tự vận chuyển sản phẩm. Cơ sở nuôi phải lập và lưu trữ hồ sơ liên quan đến thu hoạch và vận chuyển.	Chỉ được thu hoạch khi đảm bảo thời gian ngừng sử dụng hóa chất nằm trong danh mục hạn chế sử dụng và kháng sinh theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý. Cơ sở nuôi sử dụng phương pháp thu hoạch phù hợp, hạn chế cá bị xây xát, chết khi thu hoạch, vận chuyển. Dụng cụ thu hoạch phải được làm sạch và không lây nhiễm mầm bệnh. Không áp dụng cho cơ sở nuôi cá Tra. Ghi thông tin về thu hoạch ở từng ao nuôi, ít nhất gồm: Ngày thu hoạch, ký hiệu ao nuôi, sản lượng, kích cỡ khi thu hoạch, khách hàng (tên, địa chỉ, khối lượng mua). Hồ sơ vận chuyển: Không áp dụng cho cơ sở nuôi cá Tra.

Handwritten signature

3. Quản lý sức khỏe thủy sản

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
3.1	Kế hoạch quản lý sức khỏe thủy sản	Cơ sở nuôi phải xây dựng kế hoạch quản lý sức khỏe thủy sản nuôi với sự tham vấn của cán bộ chuyên môn.	- Kế hoạch quản lý sức khỏe thủy sản (KHQLSKTS) phải do cán bộ chuyên môn lập phù hợp với điều kiện của nơi nuôi. - Trường hợp cơ sở nuôi không có cán bộ chuyên môn và tự xây dựng KHQLSKTS thì phải có xác nhận đồng ý của cán bộ chuyên môn. Kế hoạch này cần được xem xét, điều chỉnh khi cần thiết. Nội dung cơ bản của kế hoạch ít nhất bao gồm: ▪ Quy trình nuôi trồng và chăm sóc; ▪ Biện pháp phòng ngừa và phát hiện bệnh, kể cả việc sử dụng vaccine; ▪ Các bệnh thường gặp và phác đồ điều trị; ▪ Biện pháp cách ly ao nuôi nghi nhiễm bệnh; ▪ Biện pháp loại bỏ và xử lý thủy sản nhiễm bệnh hoặc chết; ▪ Biện pháp xử lý khi có dịch bệnh bùng phát và quy trình ngăn ngừa dịch bệnh lan rộng.
3.2	Giống thủy sản		
3.2.1	Nguồn gốc giống	Giống có nguồn gốc rõ ràng, được sản xuất từ cơ sở sản xuất giống đủ điều kiện.	- Giống được mua từ cơ sở cung cấp có giấy tờ chứng minh cá Tra giống được sản xuất từ đàn cá Tra bố mẹ chọn giống đảm bảo chất lượng. - Cơ sở nuôi cần lưu bản sao: giấy tờ chứng minh cá Tra giống được sản xuất từ đàn cá Tra bố mẹ chọn giống đảm bảo

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
			chất lượng; Biểu mẫu/Biên bản kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh (ưng dưỡng) giống thủy sản đạt loại A hoặc B theo Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT.
3.2.2	Chất lượng giống	Giống thủy sản thả nuôi phải đảm bảo chất lượng theo QCVN, TCVN tương ứng và các quy định khác của cơ quan có thẩm quyền. Cơ sở nuôi phải lập và lưu trữ hồ sơ về hoạt động mua và sử dụng con giống thủy sản bao gồm giấy kiểm dịch.	- Cá tra giống phải có chiều dài tối thiểu 10cm hoặc chiều cao thân tối thiểu 1,7 cm. Kích cỡ đồng đều, không dị tật, dị hình, sáng màu, bơi lội nhanh nhẹn. - Có Giấy chứng nhận kiểm dịch con giống theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Có chứng từ mua giống thể hiện rõ tên, địa chỉ cơ sở bán giống, số lượng, kích cỡ giống, ngày bán.
3.3	Chế độ cho ăn	Cơ sở nuôi phải xác định, thực hiện chế độ cho ăn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng và độ tuổi của động vật thủy sản nuôi.	Thức ăn cho từng cỡ cá và số lần cho ăn theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
		Không sử dụng hocmon, chất kích thích tăng trưởng trong quá trình nuôi trồng.	Không sử dụng hocmon, chất kích thích tăng trưởng trong quá trình nuôi cá Tra.
		Cơ sở nuôi phải lập, cập nhật và lưu trữ hồ sơ về chế độ cho ăn.	Cơ sở nuôi ghi thời điểm và lượng thức ăn mỗi lần cho ăn chi tiết theo từng ao.
3.4	Theo dõi sức khỏe thủy sản và ngăn ngừa sự lây lan bệnh dịch		
3.4.1	Theo dõi sức khỏe	Cơ sở nuôi phải thường xuyên theo dõi các dấu hiệu động vật thủy sản nuôi bị sốc hoặc bị bệnh và thực hiện các biện	Tuân thủ theo yêu cầu.

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
		pháp cần thiết để ngăn ngừa sự phát sinh mầm bệnh.	
		Cơ sở nuôi phải kiểm tra định kỳ khối lượng trung bình, tỉ lệ sống, tổng sinh khối thủy sản nuôi của từng ao nuôi tùy theo đối tượng nuôi.	Cơ sở nuôi phải định kỳ 15 ngày xác định khối lượng trung bình cá trong ao. Theo dõi và ghi chép số lượng cá chết hàng ngày để tính tỉ lệ sống. Ước tính tổng sinh khối = (Số lượng cá thả - Số lượng cá chết/thất thoát) x khối lượng trung bình của cá.
		Cơ sở nuôi phải lập, cập nhật và lưu trữ hồ sơ liên quan đến sức khỏe thủy sản nuôi.	Cơ sở nuôi phải ghi và lưu hồ sơ về các dấu hiệu cá Tra bị sốc hoặc bị bệnh, ít nhất bao gồm: Ngày, dấu hiệu/triệu chứng, số lượng/khối lượng cá có dấu hiệu bị bệnh, bị chết, nguyên nhân và phác đồ điều trị; Tỷ lệ sống, khối lượng trung bình, tổng khối lượng cá Tra ước tính.
3.4.2	Cách ly, ngăn chặn lây nhiễm bệnh	Khi phát hiện bệnh, cơ sở nuôi phải thực hiện biện pháp cách ly, ngăn chặn sự lây nhiễm bệnh giữa các ao nuôi và từ nơi nuôi ra bên ngoài.	- Dụng cụ, thiết bị (trừ các thiết bị đo môi trường) trong quá trình nuôi cá Tra phải được sử dụng riêng biệt, được làm sạch, tẩy/khử trùng trước và sau khi dùng. - Không chuyển cá bệnh từ ao này sang ao đang nuôi khác, từ nơi nuôi ra ngoài trong thời gian đang có bệnh xảy ra. - Không được xả nước ao nuôi có cá bị bệnh chưa qua xử lý ra ngoài môi trường. Vớt cá chết và đưa vào dụng cụ chứa không bị rò rỉ, phát tán nước/chất thải ra môi trường bên ngoài ngay khi phát hiện. Xử lý cá chết theo điều khoản 3.4.5.

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
3.4.3	Quan trắc và quản lý chất lượng nước	Cơ sở nuôi phải thường xuyên quan trắc, quản lý chất lượng nước tùy từng loài nuôi và lập, cập nhật, lưu trữ hồ sơ về việc này.	Kiểm tra, điều chỉnh chất lượng nước trong quá trình nuôi nhằm đảm bảo sức khỏe cá Tra. Đo hàng ngày: DO, pH, nhiệt độ; Đo hàng tuần: NH ₃ , H ₂ S, PO ₄ . Có hồ sơ ghi chép từng ao, ít nhất gồm thông tin: ngày và người kiểm tra, chỉ tiêu môi trường, kết quả kiểm tra, cách xử lý.
3.4.4	Dập dịch và thông báo dịch	Khi xảy ra bệnh nằm trong danh mục các bệnh thủy sản phải công bố dịch, cơ sở nuôi phải thông báo cho cơ quan quản lý thủy sản hoặc thú y gần nhất và áp dụng các biện pháp dập dịch, thực hiện khử trùng tại nơi xảy ra dịch.	Khi phát hiện cá có dấu hiệu bất thường/bệnh, cơ sở nuôi phải thông báo cho các cơ sở nuôi xung quanh, cơ quan quản lý thủy sản hoặc thú y gần nhất. Cơ sở nuôi phải phối hợp với cơ quan chức năng để thực hiện các biện pháp ngăn chặn sự lây lan của bệnh. Phải khử trùng nước trong ao nuôi cá bị bệnh; tẩy trùng, sát khuẩn, xử lý bùn đáy; diệt giáp xác và vật chủ trung gian truyền bệnh trong ao. Ghi chép về ngày xảy ra bệnh dịch; Ngày dập dịch, khử trùng; Tên bệnh và biện pháp dập dịch, khử trùng; Hóa chất sử dụng và liều dùng.
3.4.5	Xử lý thủy sản chết	Cơ sở nuôi phải thực hiện biện pháp, xử lý thủy sản nuôi bị chết đúng cách để tránh gây ô nhiễm môi trường và lây lan bệnh dịch.	- Phải có biện pháp xử lý cá chết thích hợp: nấu chín, ướp muối, chôn lấp kết hợp với rải vôi hoặc chất diệt khuẩn đảm bảo không tái nhiễm cho ao nuôi và môi trường. - Sau khi xử lý, tiêu hủy cá chết, người lao động phải vệ sinh cá nhân để tiêu diệt mầm bệnh.

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
			- Phải ghi ngày, số lượng cá chết, biện pháp và người xử lý cá chết.
3.5	<i>Sử dụng kháng sinh</i>	Trường hợp phải sử dụng kháng sinh, cơ sở nuôi chỉ sử dụng theo đơn hoặc phác đồ điều trị của cán bộ chuyên môn.	Cơ sở nuôi chỉ sử dụng kháng sinh khi xác định cá Tra bị bệnh do vi khuẩn và theo phác đồ điều trị hoặc đơn thuốc của cán bộ chuyên môn. Không sử dụng kháng sinh để phòng bệnh cá.
		Cơ sở nuôi phải ngừng sử dụng kháng sinh trước khi thu hoạch theo khuyến cáo của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý.	Tuân thủ theo yêu cầu.
		Cơ sở nuôi phải lập, cập nhật và lưu trữ hồ sơ về việc sử dụng kháng sinh.	- Mỗi lần sử dụng kháng sinh, cơ sở nuôi phải ghi thông tin: ao xử lý; Nguyên nhân/triệu chứng bệnh; Tên kháng sinh; Ngày sử dụng và thời điểm được phép thu hoạch; Liều dùng và cách dùng; Người thực hiện. - Lưu đơn thuốc, phác đồ điều trị trong trường hợp cách xử lý không nằm trong kế hoạch quản lý sức khỏe.
3.6	<i>Xử lý nơi nuôi sau thu hoạch</i>	Cơ sở nuôi phải đảm bảo thời gian ngừng/ nghỉ giữa 2 vụ nuôi, thực hiện tẩy trùng, cải tạo nơi nuôi trước khi nuôi vụ mới và lập, lưu trữ hồ sơ về các hoạt động nêu trên.	- Thời gian ngừng/nghỉ giữa 2 vụ, các bước tẩy trùng, cải tạo ao nuôi trước khi nuôi vụ mới được thực hiện theo quy trình nuôi trong Kế hoạch quản lý sức khỏe thủy sản. - Sau khi thu hoạch, cơ sở nuôi phải bơm bùn thải vào vị trí thích hợp, đảm bảo không bị rò rỉ và ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
			Cơ sở nuôi phải ghi chép các hoạt động cải tạo, tẩy trùng, xử lý nước thải, bùn thải và thời gian ngừng/ngủ giữa 2 vụ.

4. Bảo vệ môi trường

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
4.1	Cam kết bảo vệ môi trường	Cơ sở nuôi phải có Cam kết bảo vệ môi trường hoặc Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện hành.	Tuân thủ theo yêu cầu.
		Cơ sở nuôi phải thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường.	Có ghi chép những hoạt động/biện pháp đã thực hiện để bảo vệ môi trường.
4.2	Sử dụng và thải nước		
4.2.2	Sử dụng nước và thải nước	Cơ sở nuôi không được sử dụng nước sinh hoạt (nước máy) cho mục đích nuôi trồng thủy sản.	Không áp dụng cho nuôi cá Tra.
		Nước thải ra ngoài môi trường phải đạt các chỉ tiêu chất lượng theo quy định hiện hành.	Một số chỉ tiêu nước nuôi cá Tra thải ra ngoài môi trường phải nằm trong giới hạn cho phép theo phụ lục 2 Quy chuẩn 02:20/2014/BNPTNT như pH: 5,5-9; BOD ₅ (20°C) ≤ 50 mg/l; COD ≤ 150mg/l; Chất rắn lơ lửng ≤ 100mg/l; Coliform ≤ 5.000 MPN/100ml.
		Cơ sở nuôi phải lập, cập nhật, lưu trữ hồ sơ về lượng nước sử dụng cho mỗi vụ nuôi trồng và kiểm tra chất lượng nước thải.	Cơ sở nuôi phải ghi ngày, người lấy nước, lượng nước lấy vào từng đợt và kết quả kiểm tra chất lượng nước thải.

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
4.2.3	Sử dụng nước ngầm	Nếu sử dụng nước ngầm phải theo đúng quy định hiện hành.	Không áp dụng cho cá Tra
4.2.4	Nhiễm mặn các nguồn nước ngọt tự nhiên	Cơ sở nuôi trồng phải được thiết kế và quản lý nhằm bảo vệ nguồn nước mặt, nước ngầm, hạn chế nhiễm mặn nguồn nước ngọt tự nhiên. Không được xả nước mặn vào nguồn nước ngọt tự nhiên. Các cơ quan chức năng và cộng đồng địa phương phải được thông báo khi nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn.	Không áp dụng cho nuôi cá Tra.
4.3	<i>Kiểm soát dịch hại</i>		
4.3.1	Kiểm soát dịch hại đối với thủy sản nuôi	Có các biện pháp đảm bảo ngăn ngừa dịch hại xâm nhập vào trong nơi/ao nuôi, kể cả vật nuôi trên cạn nhưng đảm bảo an toàn cho các loài động vật tự nhiên.	Phải có biện pháp tiêu diệt động vật có hại (chuột, ốc bươu vàng, ...) nhưng không gây ô nhiễm môi trường và không gây tổn hại đến các loài động, thực vật khác trừ các loài động vật thủy sinh trong giai đoạn chuẩn bị ao nuôi. Phải có biện pháp thích hợp để ngăn chặn sự xâm nhập của vật nuôi (chó, mèo, ngỗng, vịt...).
4.3.2	Bảo vệ những loài được liệt kê trong Sách đỏ Việt Nam	Cơ sở nuôi phải sử dụng biện pháp cần thiết để bảo vệ và không gây chết đối với những loài động vật nằm trong sách đỏ Việt Nam có khả năng xuất hiện trong vùng nuôi.	- Có danh sách/bản sao chép những loài nằm trong sách đỏ Việt Nam có khả năng xuất hiện trong hoặc gần khu vực nuôi. - Có biện pháp phù hợp, phòng ngừa sự xâm nhập để bảo vệ và không gây chết đối với những loài động vật nằm trong sách đỏ Việt Nam có khả năng xuất hiện trong vùng nuôi.

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
4.4	Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Cơ sở nuôi chỉ được nuôi loài ngoại lai khi Nhà nước cho phép và phải tuân thủ các quy định hiện hành. Cơ sở nuôi phải tuân thủ các quy định liên quan tại Luật Thủy sản khi khai thác con giống ngoài tự nhiên cho mục đích nuôi thương phẩm. Cơ sở nuôi sử dụng giống thủy sản biến đổi gen phải tuân thủ các quy định hiện hành.	Không áp dụng cho nuôi cá Tra.

5. Các khía cạnh kinh tế-xã hội

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
5.1	Sử dụng lao động		
5.1.1	Tuổi người lao động	Cơ sở nuôi không sử dụng người lao động làm thuê dưới 15 tuổi. Trường hợp người lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi, việc ký kết hợp đồng lao động phải được sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật của người lao động. Cơ sở nuôi phải đảm bảo công việc không gây hại đến sức khỏe, không ảnh hưởng đến việc học tập hay làm	Không thuê lao động dưới 15 tuổi. - Cơ sở nuôi phải ký hợp đồng lao động có chữ ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật của người lao động và có bản mô tả công việc cho họ. - Cơ sở nuôi cần đảm bảo số giờ làm việc không quá 8h/ngày và công việc không ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập (nếu có nhu cầu học tập).

Handwritten signature
19

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
		giảm khả năng tiếp nhận kiến thức của họ.	
		Cơ sở nuôi phải có hồ sơ người lao động.	Lưu danh sách (tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, quan hệ với chủ hộ), bảo sao giấy tờ chứng minh nhân thân và hợp đồng lao động của tất cả người lao động.
5.1.2	Quyền và chế độ của người lao động	Người lao động được phép thành lập hoặc tham gia các tổ chức đoàn thể hợp pháp để bảo vệ quyền lợi của họ mà không bị cơ sở nuôi can thiệp và không phải chịu hậu quả nào sau khi thực hiện quyền này.	Tuân thủ như yêu cầu.
		Người lao động có quyền góp ý, khiếu nại với cơ sở nuôi về các vấn đề liên quan tới quyền lao động và điều kiện làm việc. Cơ sở nuôi phải xem xét, phản hồi hoặc giải quyết các kiến nghị, khó khăn mà người lao động nêu ra.	- Có kênh liên lạc phù hợp để tiếp nhận ý kiến của người lao động. - Các góp ý, khiếu nại cần được giải quyết kịp thời và thỏa đáng. - Cần thống kê các trường hợp đã góp ý, khiếu nại, thời điểm tiếp nhận, xử lý và phương án giải quyết/phản hồi đã thực hiện kèm theo các bằng chứng.
		Người lao động không bị phân biệt đối xử về giới tính, tôn giáo, dân tộc từ phía người sử dụng lao động hoặc các lao động khác.	- Nội quy của cơ sở cần xây dựng và treo/dán ở nơi dễ nhận biết. - Đối với cơ sở nuôi sử dụng trên 10 lao động, có thể xây dựng thỏa ước lao động tập thể, phổ biến cho người lao động.
		Người lao động làm việc ngoài giờ trên cơ	- Thời gian làm việc ngoài giờ cần dựa trên sự đồng ý của người lao

Handwritten signature

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
		sở có sự thỏa thuận với số giờ không vượt quá mức tối đa và được trả tiền làm thêm giờ theo quy định hiện hành.	động nhưng không vượt quá 200h/năm và phải trả tiền làm thêm giờ theo quy định. - Có chứng từ và lưu hồ sơ về việc chi trả tiền công làm ngoài giờ (bảng chấm công).
5.2	<i>An toàn lao động và sức khỏe người lao động</i>		
5.2.1	Điều kiện làm việc	Cơ sở nuôi phải bố trí nơi làm việc, nơi nghỉ ngơi giữa giờ đảm bảo vệ sinh và an toàn cho người lao động.	Có bố trí nơi làm việc, sinh hoạt, vệ sinh, môi trường sống an toàn và hợp vệ sinh cho người lao động.
			Nhà vệ sinh được bố trí hợp lý để người lao động có thể sử dụng trong quá trình làm việc tại nơi nuôi.
		Cơ sở nuôi phải cung cấp miễn phí và sẵn có các trang bị bảo hộ cho người lao động để ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.	Trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết phải sẵn có tại nơi nuôi.
			Phương tiện, trang bị cần thiết phải có sẵn để ứng phó với tình trạng khẩn cấp có thể xảy ra và sơ tán/cấp cứu người bị nạn.
5.2.2	Chăm sóc sức khỏe người lao động	Cơ sở nuôi phải đóng bảo hiểm và tạo điều kiện để người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định tại Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.	Phải có biên lai đóng tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ ba tháng trở lên.
			Người lao động xác nhận được nghỉ việc khi bị ốm.
		Cơ sở nuôi phải có các hành động xử lý kịp thời khi xảy ra tai nạn và lưu trữ giấy tờ liên quan đến việc xử lý tai nạn. Cơ sở nuôi phải có biện pháp phòng ngừa tai nạn tương tự.	Tủ thuốc và dụng cụ sơ cứu tai nạn lao động phải được bố trí tại nơi dễ lấy. Cần ghi chép tất cả tai nạn xảy ra, các hành động giải quyết cụ thể (bao gồm tên, loại tai nạn, ngày xảy ra, biện pháp xử lý đã thực hiện, kết quả) và kế hoạch phòng ngừa tai

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
			nạn tương tự.
5.3	<i>Hợp đồng và tiền lương (tiền công)</i>		
5.3.1	Thử việc và hợp đồng	Cơ sở nuôi phải đảm bảo thời gian thử việc tối đa đối với người lao động không được vượt quá thời gian quy định của Luật Lao động.	Cơ sở nuôi cần ký hợp đồng với người lao động ngay sau thời gian thử việc nếu họ đáp ứng yêu cầu. Thời gian thử việc không quá: - 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên; - 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn kỹ thuật trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp; - 06 ngày làm việc đối với công nhân, nhân viên và công việc khác.
		Cơ sở nuôi phải ký hợp đồng bằng văn bản với người lao động trừ trường hợp thuê người lao động thực hiện công việc tạm thời có thời hạn dưới 1 tháng.	Nếu người lao động thực hiện công việc trên 1 tháng và không là thành viên gia đình, cơ sở nuôi phải ký hợp đồng lao động dưới dạng văn bản, trong đó người lao động giữ 01 bản.
		Cơ sở nuôi phải có thỏa thuận thử việc, chứng từ về việc trả lương thử việc.	Có chứng từ về việc trả lương thử việc.
5.3.2	Tiền công và tiền lương	Cơ sở nuôi phải trả đủ tiền công, tiền lương bằng tiền mặt và theo phương thức thuận tiện nhất cho người lao động.	Bảng chấm công và bằng chứng về việc trả tiền công, tiền lương bằng tiền mặt cho người lao động.
		Trường hợp thuê người lao động thực hiện công việc tạm thời có thời hạn dưới 1 tháng, cơ sở	Có chứng từ chứng minh cơ sở nuôi đã trả đủ tiền công ngay sau khi kết thúc công việc cho người lao động.

Điều khoản	Nội dung kiểm soát	Yêu cầu cần tuân thủ	Hướng dẫn áp dụng
		nuôi phải trả đủ tiền công ngay sau khi kết thúc công việc.	
		Tiền lương tháng không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm trả lương và phải được trả hàng tháng.	Tuân thủ theo yêu cầu.
		Cơ sở nuôi phải có hợp đồng lao động, chứng từ về việc chi trả tiền lương/tiền công cho người lao động.	Có hợp đồng lao động, bảng lương/danh sách trả lương thể hiện tiền lương tháng của người lao động.
5.4	<i>Các vấn đề trong cộng đồng</i>	Cơ sở nuôi phải có sự thỏa hiệp và giải pháp để giải quyết mâu thuẫn đối với các cơ sở nuôi liên kề và cộng đồng xung quanh.	Lường trước mâu thuẫn trong cộng đồng và có giải pháp phòng tránh. Cơ sở nuôi phải giải quyết mâu thuẫn ngay khi xảy ra. Trường hợp chưa xảy ra/không có mâu thuẫn, cơ sở nuôi cần tổ chức họp với cộng đồng 1 năm/lần.
		Cơ sở nuôi phải giữ kết quả giải quyết khiếu nại, mâu thuẫn với cộng đồng xung quanh.	Có hồ sơ lưu trữ các vấn đề khiếu nại, ngày giờ cụ thể và lộ trình phản hồi. Có chương trình và biên bản họp có chữ ký của đại diện chính quyền và ít nhất một tổ chức đoàn thể địa phương hoặc một tổ chức xã hội dân sự có uy tín xác nhận khi tổ chức họp với cộng đồng.